TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 07-01-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà:*Ông Phạm Trần Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

2. Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thuỳ-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần T- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 197/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-DS ngày 22/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/QĐST-DS ngày 12/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ: Số D (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của tòa nhà) và số D L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T1. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Quỳnh H. Chức vụ: Giám đốc Giám đốc Trung tâm R *(Theo Giấy ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)*, vắng mặt

Địa chỉ: Số A đường L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người được ủy quyền lại: Ông Tưởng Anh T2, sinh năm 1983, chức vụ: Chuyên viên chính thu hồi nợ-Phòng thu hồi nợ, có mặt.

Địa chỉ: Số A đường L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *(Giấy ủy quyền số 50/2024/UQ-OCB, ngày 26/8/2024).*

2. *Bị đơn*: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1986, vắng mặt.

Và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984, vắng mặt

Trú tại: Ấp B, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21-3-2024; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 02-7-2024; bản tự khai ngày 02-7-2024, ngày 16-10-2024, ngày 12-9-2024, ngày 22-11-2024; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 02-7-2024, ngày 31-10-2024 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần P ông Tưởng Anh T2 trình bày:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0134/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 19/6/2023 và Khế ước nhận nợ số 0134/2023/KUNN-OCB-CN ngày 20/6/2023, ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N có vay của Ngân hàng TMCP P số tiền 1.150.000.000 đồng, lãi suất 03 tháng đầu tiên là 11%/năm; từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất, đồ dùng gia đình khác, có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã nhưng không có đăng ký kinh doanh.

Để đảm bảo khoản vay này ông Đ, bà N thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 526, tờ bản đồ số 35 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do ông bà đứng tên số DE 429667 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp vào ngày 20/5/2022 và được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2093, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0134/2023/BĐ ngày 19/6/2023.

- Ngoài ra, ngày 22/6/2023 ông bà còn vay qua dịch vụ thẻ tín dụng số tiền 14.000.000 đồng.

Ông bà chưa trả gốc của hợp đồng tín dụng, đã trả một phần gốc của hợp đồng thẻ tín dụng và trả một phần lãi của hai hợp đồng đến ngày 10/01/2024 thì ngưng cho đến nay. Như vậy, ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận nên đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng tính đến ngày 07/01/2025, nợ gốc là 1.150.000.000 đồng, nợ lãi là

171.499.967 đồng, trong đó lãi trong hạn là 65.729.589 đồng, lãi quá hạn là 100.692.740 đồng, lãi chậm trả là 5.077.639 đồng; nợ thẻ tín dụng là 17.061.811 đồng, trong đó nợ gốc là 10.874.000 đồng, nợ lãi là 5.035.811 đồng, phí là 1.152.000 đồng.

Ông Đ, bà N còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng tính từ ngày 08/01/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Đ, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng thuộc thửa số 526, tờ bản đồ số 35 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do ông bà đứng tên số DE 429667 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp vào ngày 20/5/2022 và được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2093, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng thế chấp tài sản số 0134/2023/BĐ ngày 19/6/2023.

Ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N là bị đơn được triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng không đến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo trình bày của người đại diện theo uỷ quyền cho Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng) thì ông Đ, bà N vay tiền bổ sung vốn kinh doanh bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất, đồ dùng gia đình khác nhưng không có đăng ký kinh doanh mà chỉ có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã nên không thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự; Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng; ông Đ, bà N cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về xét xử vắng mặt*: Ông Đ và bà N được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện*: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà N trả số tiền gốc lãi của 02 hợp đồng tính đến ngày 07/01/2025 là 1.338.561.778 đồng; đồng thời ông bà tiếp tục trả lãi, phí phát sinh từ ngày 08/01/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2] Như vậy, so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì tiền nợ gốc không thay đổi, tiền nợ lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên không coi đây là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Xét thấy, ông Đ, bà N là bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến, như vậy ông bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trong quá trình Tòa án thu thập để xem xét giải quyết.

[3.2] Theo tài liệu, chứng cứ thu thập thể hiện, ngày 19/6/2023 ông Đ, bà N vay của Ngân hàng số tiền là 1.150.000.000 đồng, tiếp đến ngày 22/6/2023 ông bà vay tiền qua thẻ tín dụng là 14.000.000 đồng; các hợp đồng này thực hiện tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội theo quy định tại các điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[3.3] Quá trình thực hiện các hợp đồng ông bà chưa trả gốc của hợp đồng tín dụng và trả một phần gốc lãi của thẻ tín dụng đến ngày 10/01/2024 thì ngưng cho đến nay. Như vậy, ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi và phí theo các hợp đồng nêu trên là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản bảo đảm*:

[4.1] Để đảm bảo hợp đồng tín dụng số 0134/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 19/6/2023 và Khế ước nhận nợ số 0134/2023/KUNN-OCB-CN ngày 20/6/2023, ông bà có thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 526, tờ bản đồ số 35 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do ông bà đứng tên số DE 429667 được Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh B cấp vào ngày 20/5/2022 và được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2093, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0134/2023/BĐ ngày 19/6/2023.

[4.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nếu ông bà không trả nợ hoặc trả nợ không đúng và đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận để thu hồi nợ.

[5] *Về phát biểu của Kiểm sát viên*: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*". Vì vậy, ông Đ, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.156.000 đồng *(Tranh chấp từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, mức thu án phí là 36.000.000 đồng + 3% phần tranh chấp vượt 800.000.000 đồng)*

[7] Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

[8] *Chi phí tố tụng*: Ông Đ, bà N phải chịu chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng nhưng Ngân hàng đã tạm ứng nên ông Đ, bà N phải trả lại cho Ngân hàng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401, 463, 465, 466, 468; 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P về việc yêu cầu ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N trả nợ.

2. Buộc ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng TMCP P tính đến ngày 07/01/2025 như sau:

- Tại hợp đồng tín dụng số 0134/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 19/6/2023 và Khế ước nhận nợ số 0134/2023/KUNN-OCB-CN ngày 20/6/2023; ông Đ, bà N phải trả:

+ Nợ gốc là 1.150.000.000 đồng;

+ Nợ lãi là 171.499.967 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 65.729.589 đồng; lãi quá hạn là 100.692.740 đồng; lãi chậm trả là 5.077.639 đồng.

- Tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân; ông Đ, bà N phải trả:

+ Nợ gốc là 10.874.000 đồng;

+ Nợ lãi là 5.035.811 đồng; phí là 1.152.000 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/01/2025) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P, ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí theo mức lãi suất, phí mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ; hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

4. Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm xác lập hợp đồng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

5. Trường hợp ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng thửa đất số 526, tờ bản đồ số 35 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N đứng tên số DE 429667 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp vào ngày 20/5/2022 và được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 2093, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0134/2023/BĐ ngày 19/6/2023.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.156.000 đồng *(Năm mươi hai triệu, một trăm năm mươi sáu ngàn đồng)*; Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.728.000đ *(Hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng số 0000767 ngày 24/5/2024 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* theo biên lai thu tạm ứng số 0000982 ngày 04/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. *Chi phí tố tụng*: Ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP P chi phí tố tụng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

9. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND h.Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trần Hiển

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**